

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển ngành Y tế
tỉnh Cao Bằng đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030

CHIỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội; Nghị định số 04/2008/NĐ-CP ngày 11 tháng 01 năm 2008 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 92/2006/NĐ-CP;

Căn cứ Quyết định số 153/2006/QĐ-TTg ngày 30 tháng 6 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ về Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống y tế Việt Nam giai đoạn đến năm 2010 và tầm nhìn đến năm 2020; Quyết định số 30/2008/QĐ-TTg ngày 22/02/2008 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt quy hoạch phát triển mạng lưới khám, chữa bệnh đến năm 2010 và tầm nhìn đến năm 2020;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKH của Bộ Kế hoạch và Đầu tư ngày 07 tháng 02 năm 2007 hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội;

Căn cứ Thông tư số 03/2008/TT-BKH ngày 01 tháng 7 năm 2008 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 04/2008/NĐ-CP của Chính phủ ngày 11/01/2008 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 92/2006/NĐ-CP;

Căn cứ Quyết định số 282/2006/QĐ-TTg ngày 20 tháng 12 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2006 - 2020;

Xét đề nghị của Sở Y tế tỉnh Cao Bằng tại Tờ trình số 2054/TTr-SYT ngày 28 tháng 6 năm 2011, Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Báo cáo số 210/BC-KHĐT ngày 11 tháng 7 năm 2011,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển ngành Y tế tỉnh Cao Bằng đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030, với những nội dung chủ yếu sau:

I. Quan điểm phát triển

1. Phát triển Hệ thống y tế (HTYT) Cao Bằng theo hướng hiện đại và bền vững, trong đó gắn y tế chuyên khoa, chuyên sâu với y tế phổ cập, kết hợp giữa

phòng bệnh với khám, chữa bệnh và phục hồi chức năng, giữa y học cổ truyền với y học hiện đại, nhằm thực hiện chủ trương công bằng, hiệu quả và bền vững trong chăm sóc sức khỏe.

2. Phát triển HTYT gắn chặt với cùng cố quốc phòng, an ninh và bảo vệ vững chắc biên giới, chủ quyền quốc gia.

3. Phát triển HTYT gắn liền với các cụm dân cư nhằm tạo cơ hội cho mọi người dân được bảo vệ, chăm sóc sức khỏe với chất lượng ngày càng cao, đặc biệt là đồng bào ở vùng núi cao và khu vực biên giới.

4. Phát triển HTYT theo hướng đẩy mạnh xã hội hóa, khuyến khích các thành phần y tế cùng tham gia cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe, trong đó y tế Nhà nước đóng vai trò chủ đạo.

5. Phát triển HTYT Cao Bằng tuân thủ theo các quan điểm chỉ đạo của Đảng, Nhà nước và của ngành đã được phê duyệt, phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương trong mỗi thời kỳ; từng bước nâng cao chất lượng các dịch vụ y tế nhằm đáp ứng các nhu cầu cơ bản của công tác bảo vệ và chăm sóc sức khỏe nhân dân.

II. Mục tiêu phát triển

1. Mục tổng quát:

Xây dựng và hoàn thiện hệ thống y tế tỉnh Cao Bằng đến năm 2020 theo hướng công bằng, hiệu quả, phát triển và phù hợp với đặc điểm tình hình của địa phương nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng và đa dạng của nhân dân về bảo vệ chăm sóc và nâng cao sức khỏe; giảm tỷ lệ mắc bệnh, tật và tử vong, tăng tuổi thọ, nâng cao chất lượng dân số góp phần cải thiện chất lượng nguồn nhân lực phục vụ yêu cầu của quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa của địa phương.

2. Mục tiêu cụ thể:

2.1. Phát triển mạng lưới y tế dự phòng có đủ khả năng giám sát, phát hiện và khống chế các dịch bệnh, nhằm giảm tỷ lệ mắc và tử vong do bệnh, tật gây ra; đảm bảo công tác kiểm dịch y tế quốc tế tại các cửa khẩu của tỉnh; đẩy mạnh công tác quản lý an toàn vệ sinh thực phẩm nhằm giảm số ca mắc và tử vong do ngộ độc thực phẩm trên địa bàn tỉnh.

2.2. Phát triển mạng lưới khám, chữa bệnh và phục hồi chức năng, bảo đảm cho mọi người dân được tiếp cận thuận lợi với các dịch vụ chăm sóc sức khỏe có chất lượng tại các đơn vị y tế, đặc biệt là tại các vùng biên giới. Đảm bảo sự phát triển cân đối, hợp lý giữa các bệnh viện chuyên khoa và đa khoa; kết hợp y học hiện đại với y học cổ truyền.

2.3. Tiếp tục củng cố và hoàn thiện mạng lưới y tế cơ sở, nâng cao khả năng tiếp cận của người dân đối với các dịch vụ chăm sóc sức khỏe ban đầu có chất lượng.

2.4. Phát triển mạng lưới lưu thông, phân phối và cung ứng thuốc; chủ động cung ứng thường xuyên, đủ thuốc có chất lượng, giá cả hợp lý và ổn định thị trường thuốc phòng bệnh và chữa bệnh cho nhân dân.

2.5. Đẩy mạnh các hoạt động về DSKHHGD nhằm đạt và duy trì được mức sinh thay thế, đảm bảo quy mô dân số phù hợp với sự phát triển kinh tế - xã

hội của tỉnh. Từng bước nâng cao chất lượng dân số, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng nhu cầu CNH, HĐH của tỉnh và của đất nước.

2.6. Đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực y tế cả về số lượng và chất lượng, nhằm từng bước khắc phục khó khăn về nhân lực cho các đơn vị y tế tuyến cơ sở nhất là vùng núi cao, khu vực biên giới và các chuyên khoa đặc thù. Ban hành các chính sách ưu đãi đặc biệt nhằm thu hút và giữ nguồn nhân lực y tế có chất lượng cao yên tâm công tác lâu dài tại địa phương.

2.7. Phát triển cơ sở hạ tầng đáp ứng đủ nhu cầu sử dụng; bảo đảm trang thiết bị thiết yếu và từng bước đầu tư trang thiết bị hiện đại cho hệ thống y tế dự phòng, hệ thống khám chữa bệnh và phục hồi chức năng; phát triển hệ thống cung ứng, sửa chữa trang thiết bị và vật tư y tế.

2.8. Phát triển hệ thống y tế ngoài công lập phù hợp với bối cảnh kinh tế xã hội của địa phương.

3. Các chỉ tiêu y tế cơ bản của hệ thống y tế:

Các chỉ tiêu	Năm 2010	2015		2020		2030	
		CB	TQ	CB	TQ	CB	TQ
Chi tiêu đầu vào:							
- Số Bác sĩ/ vạn dân	7	12	8	17	9	> 17	>9
- Số Dược sĩ ĐH/vạn dân	0,3	1.0	1,8	2.0	2,2	>2.0	2,5
- Tỷ lệ TYT có bác sĩ	50,3	85	80	100	90	100	>90
- Tỷ lệ thôn có NVYT hoạt động	100	100	90	100	100	100	100
- Tỷ lệ xã có NHS/YSN	100	100	>95	100	>95	100	>95
- Số GB/vạn dân (không kể TYT)	27,4	35	23	38	25	> 38	> 25
Chi tiêu hoạt động:							
- Tỷ lệ TE <1 tuổi được TC đầy đủ	93	> 90	>90	>90	>90	>90	>90
- Tỷ lệ xã đạt chuẩn QG về YT (Theo chuẩn mới)	25,6	40	60	60	80	80	100
Chi tiêu đầu ra:							
- Tỷ suất chết TE<1 tuổi (‰)	21,3	<20	14	<18	11	<15	10
- Tỷ suất TE<5 tuổi (‰)	17,5	23	19	20	16	15	< 15
- Tỷ lệ trẻ sơ sinh <2500g	6	3	<5	<3	< 3	< 3	< 3
- Tỷ lệ TE<5 tuổi SDD cân nặng/tuổi	21,7	<20	15	<18	12	<15	<12
- Tỷ số chết mẹ (p.100.000)	137	100	58,3	80	52	70	< 52
- Mức giảm tỷ suất sinh (‰)	0,3	0,2	0,2	0,2	0,2	0,1	0,2
- Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên	1,02	1,03	1	1,02	1	1	0,98
- Tỷ lệ nhiễm HIV	<0,3	<0,3	<0,3	<0,3	<0,3	<0,3	<0,3

III. Định hướng phát triển

1. Về Quy hoạch tổ chức chung toàn ngành:

Hệ thống Y tế Cao Bằng được tổ chức trên cơ sở Nghị định số 13/2008/NĐ-CP, Nghị định số 14/2008/NĐ-CP ngày 04/02/2008 của Chính phủ, Thông tư liên tịch số 03/2008/TTLT-BYT-BNV ngày 25/4/2008, Thông tư số 05/2008/TT-BYT ngày 14/5/2008 của Bộ Y tế; hàng năm có kiện toàn và phát triển mô hình tổ chức của hệ thống y tế tỉnh Cao Bằng phù hợp với đặc điểm địa lý, địa hình, sự phân bố dân cư và sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

2. Nội dung Quy hoạch cụ thể các lĩnh vực trong hệ thống y tế và các giải pháp thực hiện quy hoạch(Bao gồm cả: Các mục tiêu, chỉ tiêu, nguồn nhân lực, trang thiết bị phục vụ chuyên môn các lĩnh vực và vốn đầu tư xây dựng cơ bản của cả hệ thống y tế tỉnh trong thời kỳ quy hoạch): Như đã đề cập trong thuyết minh quy hoạch.

IV. Tổ chức thực hiện

1. Lộ trình thực hiện Quy hoạch: Như Quy hoạch lập.

2. Phân công trách nhiệm:

2.1. Sở Y tế có trách nhiệm:

- Xây dựng và trình UBND tỉnh phê duyệt các đề án, dự án mới về phát triển y tế ở từng lĩnh vực như:

+ Đề án đào tạo, phát triển nguồn nhân lực y tế tỉnh đến năm 2015 và tầm nhìn đến năm 2020.

+ Đề án nâng cao năng lực hệ thống KCB đến 2015 và tầm nhìn đến 2020.

+ Đề án nâng cao năng lực hệ thống YTDP đến 2015 và tầm nhìn đến 2020.

+ Đề án nâng cao năng lực hệ thống YHCT đến 2015 và tầm nhìn đến 2020.

+ Đề án nâng cao năng lực hệ thống y tế cơ sở xã, phường đến năm 2015 và tầm nhìn đến năm 2020.

- Tổng hợp xây dựng dự toán kinh phí đầu tư hàng năm của các đơn vị y tế, phối hợp với Sở Kế hoạch & Đầu tư, Sở Tài chính xây dựng phương án phân bổ nguồn kinh phí trình UBND tỉnh phê duyệt cho các đơn vị y tế triển khai thực hiện.

- Chỉ đạo các đơn vị y tế xây dựng dự án triển khai thực hiện quy hoạch; kiểm tra, đánh giá tiến độ thực hiện hàng năm để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh.

2.2. Sở Kế hoạch và Đầu tư:

Chịu trách nhiệm và phối hợp với Sở Tài chính trong việc cân đối vốn đầu tư hàng năm từ nguồn ngân sách cấp cho ngành y tế thực hiện quy hoạch.

2.3. Sở Tài chính:

Phối hợp với Sở KH&ĐT, Sở Y tế trong việc bố trí đảm bảo nguồn vốn chi hoạt động thường xuyên và thực hiện quy hoạch theo tiến độ hàng năm.

2.4. Sở Tài nguyên - Môi trường:

Phối hợp với các sở, ngành có liên quan xây dựng và giám sát thực hiện các quy định về bảo vệ và phòng chống ô nhiễm môi trường nhằm ngăn chặn

nguy cơ gây bệnh tật; phối hợp cùng Sở Y tế tổ chức thực hiện Chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia đến năm 2015 và định hướng 2020.

2.5. Sở Nội vụ:

Phối hợp cùng Sở Y tế tiếp tục kiện toàn bộ máy tổ chức, thực hiện các chính sách, chế độ đãi ngộ phù hợp với điều kiện lao động đặc thù của nhân viên y tế.

2.6. Ủy ban nhân dân các huyện, thị có trách nhiệm:

Chủ trì phối hợp với Sở Y tế, Sở Tài chính và Sở Tài nguyên - Môi trường ưu tiên bố trí đủ quỹ đất để xây dựng mới theo quy hoạch và có biện pháp huy động các nguồn vốn hợp pháp để đầu tư cho các cơ sở y tế trên địa bàn.

Điều 2. Quy hoạch này là định hướng, cơ sở cho việc lập, trình duyệt và triển khai thực hiện các dự án đầu tư liên quan đến lĩnh vực Y tế trên địa bàn tỉnh theo quy định.

Điều 3. Giao Sở Y tế căn cứ vào mục tiêu, nhiệm vụ và phương hướng phát triển của ngành Y tế trong Quy hoạch, chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan tổ chức triển khai, chỉ đạo thực hiện Quy hoạch này.

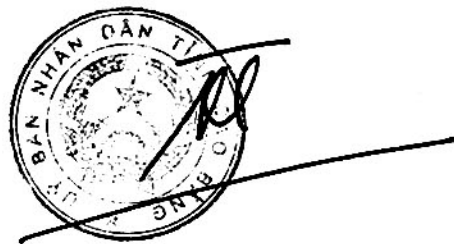
Điều 4. Giao các sở, ngành liên quan trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm hỗ trợ Sở Y tế thực hiện Quy hoạch; đẩy nhanh việc đầu tư, thực hiện các công trình, dự án có tính chất quan trọng đối với sự phát triển của ngành Y tế; nghiên cứu, xem xét điều chỉnh, bổ sung vào kế hoạch đầu tư các công trình, dự án liên quan các lĩnh vực Y tế nêu trong Quy hoạch.

Điều 5. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Y tế, Tài chính, Nội vụ, Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch UBND các huyện, thị và Thủ trưởng các cơ quan có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như điều 5 (thực hiện);
- TT. Tỉnh ủy;
- TT. HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- PCVP UBND tỉnh(TH), CV: VX;
- Lưu VT, TH (T30b).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Hoàng Anh